

諸外国の輸出入規制に関するデータベースの作成

報 告 書

平成 29 年 3 月 31 日

一般社団法人 日本海事検定協会

(検査第一サービスセンター)

目次

1. はじめに	2
2. 調査の内容	2
3. 調査の対象	2
4. 調査の方法	2
5. 調査の結果	
5-1 中古機械・設備・製造ラインに関する輸入規制	3
5-1-1. 適用範囲 (第1条)	3
5-1-2. 適用対象 (第2条)	4
5-1-3. 中古設備の輸入に関する要件	4
5-1-5. 中古設備の検査 (第10条)	6
5-1-6. 企業の責務と違反処分	6
5-1-7. 施行/発効 (第16条)	7
6. おわりに	12

添付資料-1：2015年11月13日付け通達 No. 23/2015/TT-BKHCHN

添付資料-2：2015年6月22日以降の登録検査機関リスト原文(リストのみ抜粋)

1. はじめに

アジア諸外国へ現物投資及び物品を輸出する際の輸入規制に関し、投資企業、輸出企業等から当協会に問い合わせが多く寄せられており、これら情報を総合的に閲覧できるデータベースの整備が望まれているところである。

本事業は、当協会の有する情報及び知見に基づき、海外への現物投資及び輸出を行う企業に対し、アジア諸外国の輸出入規制及び制度に関する基礎データを利用しやすい形に編集し、提供することを目的とし、以って、投資企業及び輸出企業の円滑な活動の促進、 国間貿易の促進に寄与することとする。

2. 調査の内容

諸外国(アジア)への現物投資、物品輸出入等の貿易業務に係る輸出入規制及び制度に関するデータを文献調査、現地調査等により収集・調査した結果を総合的に一覧できる形にデータベース化し、当協会のホームページ、ガイドブック等を通じて上記関係者の利用に供するものである。

3. 調査の対象

調査は以下のスケジュールにより実施している。

平成 23 年度 :	タイ
平成 24 年度 :	インドネシア
平成 25 年度 :	インド
平成 26 年度 :	ベトナム
平成 27 年度 :	タイ、インドの部分的アップデート(改定増補)

調査の対象は、投資及び輸出の状況により変更及び追加の可能性がある、また、各国規制の改変状況を踏まえて、データベースの見直しを適時行うとともに以降も調査を継続することとする。

平成 28 年度は、前年度後半よりベトナムの中古機械の輸入規制に関して大きな変革や新規制が公布された為、本実施された本年度内の調査事実を踏まえて当該事項に関するデータベースのアップデート(改訂増補)を図る事とした。

4. 調査の方法

平成 27 年度後半から 28 年度を中心としたベトナムの中古機械の輸入規制に関し、以下の方法で調査を実施した。

- ① 文献調査(インターネットを含む。)
- ② 国内関係者ヒアリング
- ③ 現地関係者ヒアリング

5. 調査の結果

【ベトナムの輸出入規制に関するアップデート】

5-1 中古機械・設備・製造ラインに関する輸入規制

(平成 26 年度 報告書項目 5-7 の改訂増補)

ベトナム向け中古機械類の輸入については従来積み地港においての任意検査となっていた。しかし、状態の粗悪な中古機器類の輸入が相次いだ為、ベトナム政府は 2012/4/27: 政府通達 No.571/TTG-KTTH を出し、輸入中古設備規制を強化した。更に中国より大量の粗悪な中古機械類が国内に流入した為、2012/9/6: 科学技術省通達 No.2527/TB-BKHCHN が出され中国廃止企業の 2255 社から出される中古機械類の輸入が禁止された。これらを受けて、中古機械類の船積み前検査について強制検査の必要性の機運が高まり、2013 年春、ベトナム政府(ベトナム科学技術省の基準に基づく)は中古機器輸入に対して新たな規制を行うと発表した、又、首相が 2013 年 8 月 9 日、国外からの中古機械・設備の輸入を規制するよう、財政省、科学技術省に指示を行った。(首相指示 17/CT-TTg 号) 更に、科学技術省は 2013 年 9 月 24 日付で税関総局に対してオフィシャルレター (3016/BKHCHN-DTG) を送付し、中古機械・設備の輸入に関する基準を公表するまでの暫定措置を示した。この状況によりいよいよ船積み前検査の制度確定と実施が急務となり、2014 年 7 月 15 日、科学技術省より 20/2014/TT-BKHCHN が通達された。これにより 2014 年 9 月 1 日船積み分よりベトナム向け中古機械類に付いては、船積み前検査が強制・義務付けられたが、輸入許可対象機器の年限等条件が厳しく、関係各方面より条件緩和の要求が殺到し、これを受けて通達効力発効直前の 2014 年 8 月 29 日に首相告示である 2279/QD-BKHCHN が出され、上記規制については効力が停止された。

その後、ベトナム政府は当該輸入規制の修正法案の段階的提示と国内外の業界団体との協議を繰り返し実施した結果、最終的に規制対象は製造業に限定し、輸入許可条件は経年数 10 年以下且つ安全、環境保護及び省エネに関するベトナム国家基準か G 7 諸国の基準に適合している事とし、残存能力 80% は条件適用外とする新規制 23/2015/TT-BKHCHN を 2015 年 11 月 13 日に通達した。

以後、同規制内容の見直しが行われることは無く、予定通り 2016 年 7 月 1 日に本施行となった。

* 新規制 23/2015/TT-BKHCHN の原文及び翻訳文は参考資料として巻末に付属。

23/2015/TT-BKHCHN の主な規制内容と解説

5-1-1. 適用範囲 (第 1 条)

ベトナム各省庁が定めた輸入禁止品目に属さず、No.103/2015/TT-BTC 付録のベトナム輸出入品目一覧の HS コード No.第 84 類～85 類に属する中古の交換用部品類、機械・設備及び技術ライン。但し、適用外*1)も存在。

* 1) 規制適用外の内訳

通過/中継貿易、一時輸入-再輸出/一時輸出-再輸入、外国との修理・保守サービス契約の実施、輸出加工区内外企業や区内企業間の国内受け渡し、ベトナム国内で製造できない研究開発、治安維持、国防に関するもの、製品商品品質法で公布された安全を損なう恐れのある製品・商品一覧グループ2の機械・設備、HSコードNo.84.40～84.43の印刷機械・設備、及び政府や首相より輸入許可されたもの。

5-1-2. 適用対象 (第2条)

- ① 中古の機械・設備・製造ライン、自社用途の中古部品類を輸入する組織、個人（企業）
- ② 中古の機械・設備・製造ラインの検査を実施する検査機関
- ③ 中古の機械・設備・製造ラインの輸入に関連する政府管轄機関

5-1-3. 中古設備の輸入に関する要件

(1) 一般要件 (第5条)

現行法の規定に従い、輸入時に《安全(機械安全)、省エネ、環境保護》に関する要件に適合している中古設備。

(2) 詳細要件 (第6条)

中古設備の輸入許可条件：

(2-1) 一般

- a) 設備年齢が10年を超えないこと*1)。
- b) ベトナム国家技術基準(QCVN)又は国家基準(TCVN)の規定に適した基準か、安全(機械安全)、省エネ、環境保護に関する先進7か国(G7)の基準*2)に適合している事。

*1) 生産年から輸入年(ベトナムの港到着)までを年カウントされる。

*2) イギリス(BS)、フランス(NF)、イタリア(UNI)、ドイツ(DIN)、アメリカ(ANSI)、カナダ(CSA)、日本(JIS)

(2-2) 以下に該当する新規投資案件か拡大投資案件を含む投資案件

- a) 投資方針の決定に属する案件。
 - b) 上記に属さない案件で、投資登録証明書の発行手続きを必要とする案件。
- 但し、投資案件の書類に中古設備リストがあり、権限機関による投資方針の決定が定められ、投資登録機関から投資登録証明書が発給された場合は、上記『(2-1) 一般』の適用を受けない。

* この第6条2項の解釈は未だに明確ではない事が多く、適用の是非に関してはベトナム当局の指示を仰ぐ等、注意が必要です。

(2-3) 中古の交換用部品類の輸入

製造企業が自社内で稼働中の設備を修理・交換する必要がある場合のみ輸入可能。

(3) 中古設備の輸入書類・検査証明書の有無 (第7条～第9条)

一覧表にまとめると、以下の通りとなる。

分類	輸入許可条件	輸入通関時に必要な書類	第三者検査/証明
投資案件に属する中古機械・設備	1. 設備年齢 10 年以下。 2. 安全, 省エネ, 環境保護のベトナム国家基準 (QCVN/TCVN) か G7 諸国基準の適応。	輸入通関書類(税関法関連)に加え、投資方針決定証明書か投資登録証明書の写し 1 部。	不要 * 少なくとも規制条文上では求める記述は無い
修理/交換用の中古部品類	製造メーカーが自社設備をメンテナンスする場合(同目的で他社に輸入委託された場合も)。	輸入通関書類(税関法関連)に加え、中古部品類を輸入する必要性に関する理由書と誓約書(必要十分な量/種類を輸入し、且つ目的通りに使用する旨) 原本 1 部、輸入を委託する場合の被委託書の原本 1 部及び輸入する交換部品の技術資料写し 1 部(在れば)。	不要 * 少なくとも規制条文上では求める記述は無い
上記以外の中古機械・設備	1. 設備年齢 10 年以下。 2. 安全, 省エネ, 環境保護のベトナム国家基準 (QCVN/TCVN) か G7 諸国基準の適応。	輸入通関書類(税関法関連)に加え、a) 左記に関する機械メーカーの確認書原本 1 部。又は、 <u>b) 左記に関する検査機関の証明書の原本 1 部。</u>	必要 <u>但し、必要書類が b) となるケース</u>

5-1-4. 中古設備の検査 (第 10 条)

(1) 証明書で記載されるべき必要事項

1. 基本情報 (輸出者、輸入者、施検対象、施検場所、施検内容)
2. 中古設備の製造年*3)、名称、商標/ブランド、番号、モデル、製造者名
3. 上記した製造基準(規制第 6 条 1 項-b)の適合性に関するコメント/結論

*3) 経年数 10 年以下である事が必須。10 年超過設備には上記内容の証明書は発給されない。

(2) 検査機関の条件等

1. 事業登録がある機械・設備の検査機能を有するベトナム国内検査機関
2. 所在国の法律にて事業登録があり、機械・設備の検査機能を有する海外検査機関
上記の他、規制 23/2015/TT-BKHCN の規定に従った書類の提出を行い、ベトナム科学技術省の認定を受ける必要がある。

尚、2017 年 3 月 31 日現在、ベトナム科学技術省の WEB で公表されている認可登録検査機関は全 39 組織(同一組織の海外支部はカウントせず)となっている。

* 公開されている登録検査機関リスト原文は参考資料として巻末に付属。

(3) 証明書の有効期限

証明書発行日起点で対象中古設備がベトナムの港に到着する時点まで 6 か月以内。

5-1-5. 特別な場合（第 13 条）

10 年超過の中古設備に関する特別条項で、企業が生産経営活動を維持するために輸入する必要がある場合、企業の提出書類及び要請に基づき、科学技術省は各省庁/専門組織と協議の上、当該案件の検討/決定を行うと規定。

しかしながら、具体的な指示/要求が示されていない事や条文解釈の違いなどで、現在でも関係者間で混乱を招いている状況にある。

5-1-6. 企業の責務と違反処分

（1）責務（第 12 条）

1. 中古設備の輸入に際し、規制 23/2015/TT-BKHCHN 及び関連法規の規定を厳守する。
2. 商業目的の場合、同規制第 8 条に基づく通関処理の完了を以て売却可能となる。
3. 通関後の中古設備が、任意の時点で監督官庁の安全・省エネ・環境保護に関する査察を受けた際に違反が発見された場合は処罰を受ける。

（1）違反処分（第 14 条）

1. 港湾または国境に到着した中古設備が、本通達第 6 条第 1 項の規定を満たしていないと鑑定された場合、企業は現行法令に従って処罰を受ける。鑑定の過程において、権限機関は企業の申請に基づいて再鑑定の可否を判定する。
2. 通関後、組立・使用される中古設備が稼働過程において安全・省エネルギー・環境保護に関する要件を満たしていない場合、企業は現行法令に従って処罰を受けなければならない。

5-1-7.

1. 本規制 23/2015/TT-BKHCHN は、2016 年 7 月 1 日より有効となる。
2. 本規制の発効日(2015 年 11 月 13 日)より、以下の文書は無効となる。
 - * 中古の機械・設備・技術ラインの輸入について定めた 2014 年 7 月 15 日付の科学技術省通達 No.20/2014/TT-BKHCHN
 - * 中古の機械・設備・技術ライン輸入の一時停止について定めた 2012 年 9 月 6 日付の科学技術省通知 No.2527/TB-BKHCHN。
3. 各引用法規範文書が補足修正或いは変更された場合、新規の文書に基づき実施する。
4. 施行過程で問題が発生した場合、科学技術省他に伝達し、適切な補足修正を委ねる。

上記は、規制条文の抜粋及び解説であるが、正式な内容は規制原文にて再確認を願う。

6. おわりに

本報告書記載の内容は、2017 年 3 月 31 日時点の規制及び制度の概要であり、今後、変更があった場合は適時改定するとともに、関係者の皆様の意見等を踏まえて内容の充実に努める所存である。また、本報告書記載の内容についての不明な点は、当協会に照会して頂きたい。

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /2015/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị,
dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chí, hồ sơ, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, bao gồm cả linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng có mã số HS thuộc Chương 84 và Chương 85 quy định tại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015, nhằm sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước mà không thuộc các Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng sau đây:

a) Quá cảnh; chuyển khẩu;

b) Tạm nhập, tái xuất (trừ trường hợp tạm nhập, tái xuất thực hiện các hợp đồng gia công; trường hợp nhập khẩu để sản xuất, thi công thực hiện các dự án đầu tư); tạm xuất, tái nhập;

c) Thực hiện hợp đồng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng với nước ngoài;

d) Nhận chuyển giao trong nước từ doanh nghiệp trong các khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất (không thuộc khu chế xuất); giữa các doanh nghiệp trong các khu chế xuất với nhau;

đ) Phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mà trong nước chưa sản xuất được; nhiệm vụ an ninh, quốc phòng theo yêu cầu của các Bộ quản lý chuyên ngành;

e) Máy móc, thiết bị thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

g) Máy móc, thiết bị thuộc ngành in, mã số HS 84.40 đến 84.43;

h) Các trường hợp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép nhập khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân (dưới đây viết chung là doanh nghiệp) nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; nhập khẩu linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng.

2. Các tổ chức giám định thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Máy móc, thiết bị* là một kết cấu hoàn chỉnh, gồm các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận có liên kết với nhau để vận hành, chuyển động theo mục đích sử dụng được thiết kế.

2. *Dây chuyền công nghệ* là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ, quy trình công nghệ bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất sản phẩm.

3. *Linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế* là chi tiết, cụm chi tiết cấu thành nên máy móc, thiết bị, được nhập khẩu để thay thế, sửa chữa nhằm bảo đảm hoặc nâng cao hiệu quả, công suất hoạt động của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đang vận hành.

4. *Linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng* là linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế được tháo rời từ máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

5. *Tuổi thiết bị (tính theo năm)* là thời gian được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng. Năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cảng Việt Nam.

6. *Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng* (sau đây viết tắt là *thiết bị đã qua sử dụng*) là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sau khi xuất xưởng đã được lắp ráp và vận hành hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý việc nhập khẩu

1. Thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu phải tuân thủ quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ về nhập khẩu hàng hóa.

2. Đối với các thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu đã được quản lý trong các văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì áp dụng theo quy định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Không được phép nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trên Cổng thông tin điện tử.

4. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện giám định thiết bị đã qua sử dụng từ nước xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa về cảng Việt Nam mới thực hiện giám định, doanh nghiệp nhập khẩu được áp dụng chế độ đưa hàng về bảo quản theo quy định của Thông tư này.

Chương II

YÊU CẦU VỀ NHẬP KHẨU THIẾT BỊ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Điều 5. Yêu cầu chung

Thiết bị đã qua sử dụng khi nhập khẩu phải phù hợp với các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Yêu cầu cụ thể

1. Thiết bị đã qua sử dụng được nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm;

b) Được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN) hoặc Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Đối với thiết bị đã qua sử dụng thuộc các dự án đầu tư, bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng, thuộc các trường hợp sau:

a) Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư;

b) Dự án thuộc diện phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.

Nếu trong hồ sơ dự án đầu tư có danh mục thiết bị đã qua sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thì không phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có thể lấy ý kiến thẩm định công nghệ của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ đối với thiết bị đã qua sử dụng trong hồ sơ dự án trước khi quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Đối với linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng: Chỉ được nhập khẩu khi doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu sửa chữa, thay thế đối với thiết bị đang được vận hành tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp sản xuất có thể tự nhập khẩu hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp khác thực hiện việc nhập khẩu.

4. Trong trường hợp cần thiết, tùy thuộc đặc thù của từng ngành, lĩnh vực được phân công quản lý, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành quy định yêu cầu về tuổi thiết bị thấp hơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này đối với thiết bị đã qua sử dụng (thấp hơn 10 năm) và thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ biết để thống nhất quản lý.

Chương III **HỒ SƠ, THỦ TỤC NHẬP KHẨU** **VÀ GIÁM ĐỊNH THIẾT BỊ ĐÃ QUA SỬ DỤNG**

Điều 7. Hồ sơ nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng

Hồ sơ nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng: ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung 01 bộ tài liệu bao gồm:

1. Đối với thiết bị đã qua sử dụng thuộc các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này:

- 01 bản sao chứng thực Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo 01 bản chính Danh mục thiết bị đã qua sử dụng dự kiến nhập khẩu trong hồ sơ dự án.

2. Đối với các trường hợp khác nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng (kể cả trường hợp dự án đầu tư được chấp thuận theo Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư mà không có Danh mục thiết bị đã qua sử dụng dự kiến nhập khẩu): Tài liệu kỹ thuật thể hiện năm sản xuất và tiêu chuẩn sản xuất của thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu, gồm một trong các tài liệu sau:

a) 01 bản chính Giấy xác nhận của nhà sản xuất về năm sản xuất và tiêu chuẩn sản xuất của thiết bị đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) 01 bản chính Chứng thư giám định của một tổ chức giám định quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này về năm sản xuất và tiêu chuẩn sản xuất của thiết bị đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng

1. Cơ quan hải quan căn cứ tài liệu doanh nghiệp nộp, xác định thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng điều kiện nhập khẩu theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, thực hiện thủ tục thông quan theo quy định.

2. Đưa hàng về bảo quản:

a) Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng mà tại thời điểm nhập khẩu chưa có đủ hồ sơ quy định tại Điều 7 Thông tư này, doanh nghiệp được đưa hàng hóa về bảo quản sau khi nộp Cơ quan hải quan các tài liệu sau:

- 01 bản chính Giấy đăng ký giám định có xác nhận đã đăng ký của tổ chức giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

- 01 bản chính Văn bản đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản theo mẫu số 09/BQHH/GSQL Phụ lục V, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày đưa hàng hóa về bảo quản, doanh nghiệp phải nộp Cơ quan hải quan chứng thư giám định và các tài liệu đã cam kết. Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục thông quan khi thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

Trường hợp sau khi giám định có kết quả không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 6 Thông tư này, Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Thiết bị đã qua sử dụng đưa về bảo quản chỉ được đưa ra sử dụng, lắp đặt sau khi hoàn tất thủ tục thông quan.

c) Các thiết bị đã qua sử dụng thuộc dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này chỉ được sử dụng cho chính dự án đã được phê duyệt hoặc đã được đăng ký, không được chuyển nhượng cho dự án khác hoặc doanh nghiệp khác, trừ trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.

Điều 9. Hồ sơ và thủ tục nhập khẩu linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế đã qua sử dụng

1. Hồ sơ nhập khẩu: Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp nhập khẩu phải bổ sung 01 bộ tài liệu bao gồm:

a) 01 bản chính Văn bản của doanh nghiệp thuyết minh về việc cần thiết phải nhập khẩu linh kiện, phụ tùng, bộ phận để phục vụ nhu cầu sửa chữa, thay thế đối với thiết bị đã qua sử dụng đang được vận hành tại doanh nghiệp, đồng thời cam kết nhập khẩu đủ số lượng, chủng loại cần thay thế và sử dụng đúng mục đích;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu theo ủy quyền, phải bổ sung 01 bản chính Văn bản được ủy quyền của doanh nghiệp sản xuất;

c) 01 bản sao Tài liệu kỹ thuật của linh kiện, phụ tùng, bộ phận thay thế (nếu có).

2. Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục thông quan khi hồ sơ đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 3 Điều 6 và khoản 1 Điều này.

Điều 10. Giám định thiết bị đã qua sử dụng

1. Chứng thư giám định nêu tại Điều 6 Thông tư này, ngoài các thông tin cơ bản của một chứng thư, phần kết luận phải thể hiện các nội dung sau:

a) Năm sản xuất và tên gọi, nhãn hiệu, số hiệu, model, tên nhà sản xuất của thiết bị đã qua sử dụng;

b) Kết luận về sự phù hợp của tiêu chuẩn sản xuất thiết bị đã qua sử dụng với quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) hoặc tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức giám định:

a) Tổ chức giám định cấp chứng thư giám định nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm:

- Tổ chức giám định trong nước, đã đăng ký hoạt động theo Luật Thương mại, có chức năng giám định máy móc, thiết bị;

- Tổ chức giám định nước ngoài, đã đăng ký hoạt động theo luật pháp nước sở tại, nơi tổ chức giám định đăng ký hoạt động giám định, có chức năng giám định máy móc, thiết bị.

b) Tổ chức giám định gửi thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ để được tổng hợp, công bố trên Cổng thông tin điện tử. Thông tin gồm: Tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, website, bản sao giấy đăng ký kinh doanh theo Luật Thương mại (đối với tổ chức giám định trong nước), bản sao văn bản cho phép hoạt động giám định của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi tổ chức giám định đăng ký hoạt động kèm bản dịch tiếng Việt được hợp pháp hóa lãnh sự (đối với tổ chức giám định nước ngoài); bản chụp mẫu giấy đăng ký giám định; bản chụp mẫu chứng thư giám định.

3. Thời hạn hiệu lực của chứng thư giám định:

Đối với hoạt động giám định trước khi hàng hóa về cảng Việt Nam, chứng thư giám định có hiệu lực là chứng thư được cấp cho thiết bị đã qua sử dụng không quá 06 tháng tính từ thời điểm cấp đến thời điểm hàng hóa về đến cảng Việt Nam.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong hoạt động quản lý việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

2. Định kỳ công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục thiết bị đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

3. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về an toàn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với thiết bị đã qua sử dụng do doanh nghiệp nhập khẩu khi đi vào hoạt động và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phối hợp với Tổng cục Hải quan định kỳ hàng năm thống kê số liệu về tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (tên doanh nghiệp nhập khẩu, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực sử dụng máy móc, thiết bị, nước sản xuất, giá trị nhập khẩu), các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Tổng hợp, công bố danh sách tổ chức giám định trong nước và nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này (tên, địa chỉ,

website, điện thoại, fax, mẫu giấy đăng ký giám định, mẫu chứng thư giám định) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ làm đầu mối triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Nghiêm túc thực hiện nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng vì mục đích thương mại (không trực tiếp sử dụng cho bản thân doanh nghiệp nhập khẩu), chỉ được bán hàng hóa sau khi đã hoàn thành thủ tục thông quan theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường sau khi thiết bị được thông quan, trong quá trình lắp ráp và vận hành triển khai sản xuất, kinh doanh và chịu xử phạt nếu vi phạm quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Điều 13. Trường hợp đặc biệt

Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá 10 năm nhưng doanh nghiệp cần thiết phải nhập khẩu để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, căn cứ hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành xem xét, quyết định.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng sau khi về cảng, cửa khẩu mà được giám định không đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, doanh nghiệp phải chịu hình thức xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình kiểm tra xử lý vi phạm, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc cho phép giám định lại theo đề nghị của doanh nghiệp.

2. Trường hợp thiết bị đã qua sử dụng đã được thông quan và đưa về lắp đặt, sử dụng, nếu trong quá trình vận hành không đáp ứng các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, doanh nghiệp phải chịu hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các hợp đồng mua bán đã được ký kết và thiết bị đã qua sử dụng nhập khẩu đã được đưa lên phương tiện vận chuyển trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không thuộc sự điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực: Thông tư số 20/2014/TT-BKHCN ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; Thông báo số 2527/TB-BKHCN ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tạm ngừng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để sửa đổi, bổ sung Thông tư này cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội;
- Tổng cục Hải quan;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH-CN tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, Vụ DTG.



科学技術省

ベトナム社会主義共和国

独立－自由－幸福

No.23/2015/TT-BKHCN ハノイ市、2015年11月13日

通達

中古の機械・設備・技術ラインの輸入に関する規定

科学技術省の機能・任務・権限・組織編制について定めた政令 No.20/2013/ND-CP (2013年2月26日付) に準拠。

国際商品の売買、及び外国との商品の売買、加工、通過貿易の代理店の活動といった商業法の施行細則について定めた政令 No.187/2013/ND-CP (2013年11月20日付) に準拠。

技術評価査定検査部部长、法制部部长の建議を検討。

科学技術大臣は、中古の機械・設備・技術ラインの輸入に関する規定の通達を公布する。

第 I 章 総則

第1条. 適用範囲

1. 本通達は、2015年7月1日付の通達 No.103/2015/TT-BTC の付録として財務省により公布された、国内における生産経営活動に使用することを目的として、政府、政府首相、各省庁、省庁に相当する機関が定めた輸入禁止品目に属さない品目で、ベトナムの輸出入品目一覧で定められた HS コード第 84 類及び第 85 類に属する中古の交換用の部品・部分を含めた中古の機械・設備・技術ラインの輸入に関する基準、必要書類、手続きについて規定する。
2. 本通達は、以下の場合における中古の機械・設備・技術ラインの輸入には適用しない。
 - a) 通過貿易、中継貿易
 - b) 一時輸入、再輸出（加工契約を実施するための一時輸入・再輸出；投資案件の実施・生産目的で輸入する場合を除く）、一時輸出・再輸入
 - c) 外国との修理・保守サービス契約の実施

- d) 輸出加工区内の企業、(輸出加工区外の) 輸出加工企業より国内で受け渡し；各輸出加工区内の企業間での受け渡し
- d) 科学研究及び技術開発に使用するもので、国内では製造できないもの；管轄省庁の要請に基づいた安寧、国防の任務に使用するもの
- e) 製品商品品質法の規定に基づき管轄省庁が公布した、安全を損なう可能性がある製品、商品一覧（グループ 2 の製品・商品一覧）の対象となる機械・設備
- g) HS コード 84.40～84.43 の印刷関連の機械、設備
- h) 政府、政府首相より輸入が許可された場合。

第2条. 適用対象

本通達の適用対象は以下の通りとなる。

1. 中古の機械・設備・技術ラインを輸入する組織、個人（以下、企業とする）；中古の交換用の部品・部分を輸入する組織、個人。
2. 本通達の規定に基づき、中古の機械・設備・技術ラインの検査を実施する検査機関。
3. 本通達第 1 条の規定に基づき、中古の機械・設備・技術ラインの輸入に関連する政府管轄機関。

第3条. 用語説明

本通達内で使用する用語は以下の通りに解釈する。

1. **機械、設備**とは、各部品、部品の集合体、部分が結合したものを含む、完成済みの構成物で、設計された用途に従い稼働、移動するものを指す。
2. **技術ライン**とは、技術プロセス、図面に従い設置された機械・設備・用具・手段のシステムであり、同時稼働による製造を保証するものである。
3. **交換用の部品・部分**とは、機械・設備を構成する部品、また部品の集合体で、稼働中の機械・設備・技術ラインの稼働効果、稼働率を保証または向上する目的で交換・修理するために輸入されたものを指す。
4. **中古の交換用の部品・部分**とは、中古の機械・設備・技術ラインから分解された交換用

の部品・部分を指す。

5. **設備年齢（年数で算出）**とは、中古の機械・設備・技術ラインの生産年から輸入年までの年数で確定した時間を指す。輸入年とは、ベトナムの港に商品が到着した年を指す。

6. **中古の機械・設備・技術ライン**（以下、**中古設備**とする）とは、出荷後に組立て・稼働する中古の機械・設備・技術ラインを指す。

第4条. 輸入管理の原則

1. 中古設備の輸入については、政府、政府首相、各省庁、省庁に相当する機関の商品輸入に関する規定を遵守すること。

2. 各省庁、省庁に相当する機関の文書にて管理されている輸入中古設備については、各省庁、省庁に相当する機関の規定に基づき適用する；その他の場合については、本通達の規定に従い実施する。

3. 中古設備で、後進的、品質が劣る、環境汚染を引き起こすといった理由により各国が排除する旨を公表しているものや、科学技術省がポータルサイトにてそれらの情報を公表しているものについては、輸入を許可しない。

4. 企業は、輸出国から中古設備の検査を実施することを推奨する。商品がベトナムの港に到着後に初めて検査する場合、輸入企業は本通達の規定に従い貨物の保管制度を適用する。

第II章

中古設備の輸入に関する要件

第5条. 一般要件

中古設備は、現行法の規定に従い、輸入時に、安全、省エネ、環境保護に関する要件に適していること。

第6条. 詳細要件

1. 中古設備は、以下の基準を満たす場合に輸入が許可される。

a) 設備年齢が10年を超えないこと。

b) ベトナムの国家技術基準(QCVN)、または国家基準(TCVN)の規定に適した基準、または、安全、省エネ、環境保護に関するG7諸国の基準に従い製造されていること。

2. 新規投資案件、拡大投資案件を含む投資案件で、以下の場合に該当する中古設備。

a) 投資方針の決定に属する案件。

b) 投資方針の決定には属さない案件で、投資登録証明書の発行手続きを実施する必要がある案件。

投資案件書類に中古設備一覧があり、管轄機関が投資方針を決定した場合、投資登録機関は、投資法の規定に従い投資登録証明書を発行し、その場合は本条第 1 条の規定を適用しない。

投資方針の決定機関、及び投資登録機関は、投資方針の決定前、または投資登録証明書の発給前に、必要に応じて、投資書類に記載された中古設備に対する科学技術専門機関の技術検査に関する意見を聴取できる。

3. 中古の交換用の部品・部分:製造企業にて自社内で稼働中の設備を修理・交換する必要がある場合のみ輸入できる。製造企業は自社で輸入、または他社に輸入を委託できる。

4. 必要な場合、担当管理部門・分野の特性に応じて、各省庁の大臣、省庁に相当する機関の長は、中古設備について、本通達の第 6 条 1 項 a) の規定より設備年齢が低い(10 年未満)という規定を公布し、管理統一のために科学技術省に通知する。

第三章

中古設備の輸入書類・手続き・検査

第 7 条. 中古設備の輸入書類

中古設備の輸入書類:税関法の規定による輸入書類の他に、企業は以下を含む資料 1 部を添付すること。

1. 本通達の第 6 条 2 項で規定の投資案件に属する中古設備。

・投資書類の中で輸入予定とされる中古設備目録の原本 1 部の添付資料として、投資方針決定証明書、または、投資登録証明書の写し 1 部。

2. 上記以外の中古設備輸入の場合(投資法の規定に基づき、投資方針決定または投資登録証明書に従い投資案件が承認されたが、輸入予定の中古設備目録が無い場合も含む):輸入する中古設備の製造年及び製造基準が技術資料に記載されており、以下のいずれかの資料を含む。

a) 本通達の第 6 条 1 項の規定に適した、中古設備の製造年及び製造基準に関する製造者の確認書の原本 1 部。

b) 本通達の第 6 条 1 項の規定に適した、中古設備の製造年及び製造基準に関する、本通達の第 10 条 2 項で規定の、検査機関による検査証明書の原本 1 部。

第 8 条. 中古設備の輸入手続き

1. 税関機関は企業が提出した資料に基づき、中古設備が、本通達の第 6 条の規定に従い、輸入条件を満たしていることを確認し、規定に基づき通関手続きを実施する。

2. 貨物の保管

a) 中古設備を輸入した時点で、本通達の第 7 条で規定の書類が不十分な場合、企業は以下の書類を税関機関に提出後、設備を保管できる。

・本通達の第 10 条 2 項の規定に基づいた、検査機関により登録済みであることが確認された検査登録書の原本 1 部。

・税関手続き、税関検査・税関監査、輸出入関税及び輸出入品に対する税務管理について定めた、2015 年 3 月 25 日付の財務省通達 No.38/2015/TT-BTC の書式 No.09/BQHH/GSQL 付録 V に基づいた、貨物の保管に関する建議書の原本 1 部。

b) 貨物の保管の日付から 30 営業日以内に、企業は税関機関に対し、検査証明書及び誓約した各資料を提出すること。税関機関は、中古設備が本通達の第 6 条、第 7 条の要件を満たす場合のみに通関手続きを実施する。

検査の結果、本通達の第 6 条 1 項及び 4 項の規定要件を満たさない場合、管轄機関は、本通達の第 14 条に規定の形式に従い処分を検討する。

保管された中古設備は、通関手続きが完了した場合のみに使用、設置できる。

c) 本通達の第 6 条 2 項で規定の投資案件に属する中古設備は、承認または登録済みの当該案件のみに使用できるものとし、別案件または他社への譲渡は不可とする。但し、企業が破産、解散、または活動停止した場合を除く。

第 9 条. 中古の交換用の部品・部分の輸入書類及び手続き

1. 輸入書類:税関法で規定の輸入書類の他に、輸入する企業は以下を含む資料 1 部を追加すること。

a) 企業内で稼働中の中古設備の修理・交換用に交換用の部品・部分を輸入する必要についての、当該企業による説明、及び、交換が必要な数量・種類を十分に輸入し、且つ目的通りに使用することを誓約する文書の原本 1 部。

b) 委託により企業が輸入する場合は、製造企業の被委託書の原本 1 部を追加すること。

c) 交換用の部品・部分の技術資料の写し 1 部(ある場合)。

2. 書類が第 6 条 3 項及び第 9 条 1 項の各要件を満たす場合、税関機関は通関手続きを実施す

る。

第 10 条. 中古設備の検査

1. 本通達の第 6 条に記載の検査証明書について、証明書の基本情報の他に、結論で以下の内容について記載があること。

- a) 中古設備の製造年及び名称、商標、番号、モデル、製造者名。
- b) 中古設備の製造基準が、ベトナムの国家技術基準(QCVN)または国家基準(TCVN)の規定、または G7 諸国の安全・省エネ・環境保護に関する基準に対する適合性についての結論。

2. 検査組織

a) 検査組織は、本条 1 項で述べた検査証明書を発給する。具体的には以下を含む。

- ・国内の検査組織で、商業法に基づき活動を登録済みで、機械・設備の検査機能を有する。
- ・外国の検査組織で、検査活動を登録した検査実施地、所在する国の法律に基づき活動を登録済みで、機械・設備の検査機能を有する。

b) 検査組織は、科学技術省が情報を集約ポータルサイトにて公表するために情報を送付する。情報は以下を含む。組織名、所在地、電話番号、Fax 番号、ウェブサイト、商業法に基づいた事業登録書の写し(国内の検査機関の場合)、活動を登録した検査を実施する外国の管轄機関による検査活動に対する許可書の写しを、領事合法化されたベトナム語への翻訳版を添付する(外国の検査機関の場合)。検査登録書の書式写し。検査証明書の書式写し。

3. 検査証明書の有効期限

ベトナムの港に商品が到着前の検査活動について、有効な検査証明書とは、中古設備に発給された証明書で発給時点からベトナムの港に商品が到着する時点まで 6 ヶ月を超えていないものとする。

第 4 章

実施組織

第 11 条. 科学技術省の責務

1. 本通達及び関連文書で定めた中古設備の輸入管理についてイニシアチブを取り、省庁、また省庁に相当する機関と協力する。

2. 後進的、品質が劣る、環境汚染を引き起こすといった原因により、各国が排除する旨を公表している中古設備一覧について、科学技術省のポータルサイトで定期的に公表する。

3. 省庁、省庁に相当する機関、省・中央直轄都市の人民委員会と協力の上で、企業が輸入した中古設備に対して、稼働開始時に安全性、省エネ技術の使用とその効果、環境保護関連法の遵

守について検査を実施し、現行法の規定に基づき違反行為に対する処分を行う。

4. 税関総局と協力の上で、年次で中古の機械・設備・技術ラインの輸入状況についてデータ(輸入企業名、連絡先住所、機械・設備の使用分野、生産国、輸入時の価値)を集計し、違反がある場合は、強制的に再輸出として、処罰を行い、政府首相に報告する。
5. 本通達の第 10 条 2 項の規定の条件を満たす国内外の検査機関を一覧にまとめた上で、科学技術省のポータルサイトで公表する(名称、所在地、ウェブサイト、電話番号、Fax 番号、検査登録書の書式、検査証明書の書式)。
6. 科学技術省は技術評価査定検査部に対し、本通達を実施する取りまとめ役を割り当てる。

第 12 条. 企業の責務

1. 中古設備の輸入に際し、本通達及び関連の法規範文書の規定を厳守する。
2. 企業が商業目的により中古設備を輸入する(輸入企業側では直接使用しない)場合、本通達の第 8 条の規定に基づき通関手続きを完了した場合のみに商品を売却できる。
3. 設備が通関後、組立て、製造稼働、経営の過程で政府の監督官庁による安全・省エネ・環境保護に関する検査の結果、本通達及び関連の法規範文書の規定に違反する場合は処罰を受ける。

第 13 条. 特別な場合

中古設備の年齢が 10 年を超えているが、企業が生産経営活動を維持するために輸入する必要がある場合、企業の書類及び建議に基づき、科学技術省は各省庁、分野と協力の上で検討、決定する。

第 14 条. 違反処分

1. 中古設備が港、国境検問所に到着後、検査の結果、本通達の第 6 条 1 項の規定を満たさない場合、企業は現行法の規定に従い違反処分を受けること。違反処分の検査過程で、管轄機関は企業の建議に基づき再検査の許可を決定する。
2. 中古設備が通関し、企業側で設置、使用したが、稼働中に安全性、省エネ、環境保護の要件を満たさないことが判明した場合、企業は現行法の規定に基づき処分を受けること。

第 15 条. 移行条項

各売買契約が締結済みで、本通達の発効前に輸入する中古設備が既に輸送経路に積載されて

いる場合、本通達の調整範囲外となる。

第16条. 施行、発効

1. 本通達は、2016年7月1日より有効となる。
2. 本通達の発効日より、以下の文書は無効となる。▽中古の機械・設備・技術ラインの輸入について定めた2014年7月15日付の科学技術省通達No.20/2014/TT-BKHHCN、▽中古の機械・設備・技術ライン輸入の一時停止について定めた2012年9月6日付の科学技術省通知No.2527/TB-BKHHCN。
3. 本通達にて引用した各法規範文書が補足修正或いは変更された場合、新規の文書に基づき実施する。
4. 実施の過程で問題が発生した場合、省庁、省庁に相当する機関、政府傘下機関、組織、個人は科学技術省に伝達し、本通達の適切な補足修正を委ねる。

受領機関：

- ・政府首相及び各副首相
- ・省庁、省庁に相当する機関、政府傘下機関
- ・政府事務局
- ・大統領事務局、国会事務局
- ・税関総局
- ・省・中央直轄都市の人民委員会
- ・省・中央直轄都市の科学技術局
- ・最高人民裁判所
- ・最高人民検察院
- ・官報
- ・法規範文書検査局（司法省）
- ・保管先：文書部、評価査定検査部

大臣

科学技術省

（署名）

グエン・クアン



DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH

(kèm theo Công văn số 26.52/BKHCN-ĐTĐ ngày 22 tháng 6 năm 2016)

PHỤ LỤC

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Website, ĐT, Fax	Mẫu giấy đăng ký giám định (Bản scan)	Mẫu chứng thư giám định (Bản scan)	Ghi chú
1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quality Assurance and Testing Center 3 - Quatest 3)	Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, TP Hồ Chí Minh	Điện thoại: 838294274 Fax: 0838293012 Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn			
2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (Quality Assurance and Testing Center 1 - Quatest 1)	Số 8 đường Hoàng Quốc Việt - phường Nghĩa Đô - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội	Website: quatest1.com.vn Điện thoại: 0438360289 Fax: 0438361199 Email: thitruong@quatest1.com.vn			
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	Số 98 Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội	Website: http://www.vinacontrol.com.vn Điện thoại: 0439421343; 0439421344 Fax: 0439421002 Email: vinacontrolhn@vinacontrol.com.vn			
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80 Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền - TP Hải Phòng	Website: http://www.vinacontrol.com.vn Điện thoại: 031.3760453 Fax: 031.3760103 Email: vinacontrolhp@hn.vnn.vn			
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11 phố Hoàng Long, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Website: http://www.vinacontrol.com.vn Điện thoại: 033.3825535 Fax: 033.3826169			
6	Công ty Cổ phần giám định khử trùng Vietnamcontrol	2/3A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đakao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Website: www.vietnamcontrol.com ĐT: 08.39117095 Fax: 08.39117096			

7	Hiệp hội Giám định và Đo lường hàng hóa, hàng hải Nhật Bản (Nippon Kaiji Kentei Kyokai) NKKK	16-3, 1 chome, Shinkawa, Chuo-ku, Tokyo, Japan	Website: http://www.nkkk.or.jp Điện thoại: 81-3-3552-1241 Fax: 81-3-3552-1260			
8	Viện cơ khí năng lượng và mỏ Vinacomin (Institute of Energy and Mining Mechanical Engineering) IEMM	565 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Website: iemm.com.vn Điện thoại: 0438545224 Fax: 0438543154			
9	Công ty TNHH Giám định, định giá & dịch vụ kỹ thuật Bảo Tín	158 Phố Trần Vũ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	Website: www.baotinvatesco.vn ĐT: 0422147692 Fax: 043 7152011			
10	Công ty TNHH Giám định Vinacontrol Tp Hồ Chí Minh	Số 80 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.vinacontrol.com.vn ĐT: 08.39316323 Fax: 08.39316961			
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6-A8 đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Website: www.vinacontrol.com.vn ĐT: 05113.638.122 Fax: 05113.625.625			
12	Công ty Cổ phần Giám định Eurocontrol	26G Lê Quốc Hưng, P 12, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh	ĐT: 08.3943 3729 Fax: 08.3943 5759 Email: euc@eurocontrol.com.vn			
13	Công ty SGS Việt Nam TNHH	119-121 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.sgs.com ĐT: 08 3935 1920 Fax: 08.3935 1921			
14	Công ty Cổ phần T&TBON	Số 31, ngõ 47A, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội	Website: www.ttbon.com.vn ĐT: 04.37739716 Fax: 04.37739716			



DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH
(kèm theo Công văn số 3596 /BKHCN-ĐTĐ ngày 26 tháng 8 năm 2016)

PHỤ LỤC

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Website, ĐT, Fax	Mẫu giấy đăng ký giám định (Bản scan)	Mẫu chứng thư giám định (Bản scan)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol	Số 144/16 Võ Duy Ninh phường 22, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.worldcontrol.com.vn Điện thoại: 08-38407495 Fax: 08-38407496 Email: info.worldcontrol@gmail.com			
2	Công ty Cổ phần giám định Đại Việt	Số 115 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.davicontrol.com.vn Điện thoại: 08-39303234; 08-39303235 Fax: 08-39303237 Email: dvc@davicontrol.com.vn			
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần giám định Đại Việt tại Hà Nội (Davicontrol-HN)	Số 10 ngõ 3, phố Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Tp Hà Nội	Website: www.davicontrol.com.vn Điện thoại: 04-38521118; 04-3573387 Fax: 0435728092 Email: davicontrolhanoi@gmail.com			
4	Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam (Vietnam Energy Inspection Corporation - EIC)	* Trụ sở chính: Số 1-5 Lê Duẩn, tòa nhà Petrovietnam, phường Bến Nghé, quận I, Tp Hồ Chí Minh. * Văn phòng: Số PF-06A tầng lửng, tòa nhà Topaz 2, tòa nhà 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.eic.com.vn ĐT: 08.35149708; 0979138089 Fax: 08.35149709 Email: info@eic.com.vn			
5	Công ty TNHH Bureau Veritas	* Văn phòng Tp Hồ Chí	Website: www.bureauveritas.vn			

	Việt Nam (BVVN)	Minh: Tầng 4 tòa nhà Etown 1, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh * Văn phòng Hà Nội: Tầng 6, tòa nhà Hồng Hà, 25 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	ĐT (VP Tp Hồ Chí Minh): 08.38122196; Fax: 08.38127038 ĐT (VP Tp Hà Nội): 04.39343494; Fax: 04.39343493			
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần giám định Eurocontrol	Số 564 đường Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội	Website: www.giamdinh.com.vn Điện thoại: 04-39714342; 0903435458 Fax: 04-39846187 Email: euc-hanoi@eurocontrol.com.vn			
7	Công ty Cổ phần Giám định Thương mại Bảo Linh	Số 12 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp Hải Phòng	Điện thoại: 0313 836193; 0904331468 Fax: 0313 836193 Email: baolinhcontrol@gmail.com			
8	Công ty Cổ phần Giám định hàng hóa Duy Hoàng (DH Control)	Số 8A đường Phan Ngũ, phường Đa Kao, quận 1, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.dhcontrol.com.vn Điện thoại: 08-38297234 Fax: 08-38208825 Email: dhcontrol@gmail.com			
9	Công ty Cổ phần Giám định Nam Việt (Navicontrol Corporation - NVC CORP)	236/13 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.navicontrol.com.vn ĐT: 08.38406888; 08.35127564; hotline: 0903918170 Fax: 08.35127566 Email: nvco@navicontrol.com.vn			
10	Công ty Cổ phần Giám định Hàng hóa Sài Gòn (Saigon Inspection Joint Stock Company - SAINCO)	*Trụ sở chính: P204 Lô A, Chung cư Trần Tế Xương, P7 Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh * VP đại diện: 179B Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	ĐT: 08.35126316; 08.35121230; 08.35121231 Fax: 08.35121228 Email: sainco13071@gmail.com .			
11	Công ty Cổ phần Giám định Hàng hóa Bảo Tín	21A2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 19, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.baotininspection.com Điện thoại: 08-22298729 Fax: 08-35121395 Email: baotininspection@vnn.vn			

12	Công ty Cổ phần Giám định Đặng Nguyên	Số 106/47/19 Đường Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Điện thoại: 0985285588; 08 5445 3980 Fax: 08 5445 3981 Email: binhcontrol@gmail.com			
13	Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định giá Quốc tế	Tầng 3, Tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp Hà Nội	Website: www.invacontrol.com.vn Điện thoại: 04-35162166; 0932663388 Fax: 04-35162133 Email: giamdinh@invacontrol.com.vn			
14	Viện nghiên cứu phát triển Tiêu chuẩn chất lượng	Căn hộ 111a nhà A1 Tập thể Công ty Bưu chính viễn thông, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội	Điện thoại: 04.2266 1111 Email:tcvn@issq.org.vn			

DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH
(kèm theo Công văn số 239/BKH-CN-ĐT/G ngày 25 tháng 01 năm 2017)

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Website, ĐT, Fax	Mẫu giấy đăng ký giám định (Bản scan)	Mẫu chứng thư giám định (Bản scan)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Dịch vụ Giám định A châu	E35 Khu đô thị Tân Thuận Nam, đường Phú Thuận, phường Phú Thuận, quận 7, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.aisco.vn Điện thoại: 08-62921289 Fax: 08-38407496 Email: info@aisco.vn			
2	Công ty Cổ phần giám định năng lượng Việt Nam - chi nhánh Đông Nam Bộ	Số 21 Tiền Cảng, phường Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Website: www.eic.com.vn Điện thoại: 064-3577838 Fax: 064-3577839 Email: info@eic.com.vn			
3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 (QUATEST 2)	Số 2 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng	Website: www.quatest2.com.vn Điện thoại: 0511-3848376 Fax: 0511-3910064 Email: quatest2@quatest2.com.vn			
4	Công ty Giám định OMIC	15-6 Nihonbashi, Kabutocho, Chuo-ku, Tokyo 103-0026 Japan	Website: www.omicnet.com Điện thoại: 81-3-3669-5181 Fax: 81-3-3669-5190 Email: pdd.jp@omicnet.com			
5	Công ty TNHH Giám định hàng hóa Bách Việt (Bavicontrol)	Số 147 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	Website: www.bavicontrol.com.vn Điện thoại: 08-38405649 Fax: 08-38405632 Email: bavicontrol@gmail.com			
6	Công ty Cổ phần Giám định Nhật Minh	Số 144 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Tp Hải Phòng	Điện thoại: 0313 3746515 Fax: 0313 3746518 Email: sulicontrol@hn.vnn.vn			

7	Công ty Cổ phần Giám định và chuyên giao công nghệ ITC	Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	Điện thoại: 0313-822885 Fax: 0313-822885 Email: giamdinh.itc.vn@gmail.com			
8	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định TTP	Số 298 phố Mai Anh Tuấn, phường Thành Công, quận Ba Đình, Tp Hà Nội	Điện thoại: 043-2252618 Email: chungnhan.ttp@gmail.com			
9	Công ty Cổ phần Giám định và Chứng nhận ICC	493/11 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Điện thoại: 0918148833 Fax: 08-62835579 Email: infcc@iccccontrol.com			
10	Các chi nhánh Công ty TNHH Bureau Veritas	<p>1. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI THƯỢNG HẢI (Bureau Veritas Asian CRE (Shanghai) Inspection Co., Ltd)</p> <p>2. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI ĐÀI LOAN (Bureau Veritas Taiwan Branch)</p> <p>3. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI NHẬT BẢN (Bureau Veritas Japan Company Ltd)</p> <p>4. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI HÀN QUỐC</p>	<p>- Địa chỉ: No.1288 Waima Road, Huang Pu District Shanghai, China 200011 - Tel/Fax: 86 (21) 2319 0002/ 86 (21) 5831 8321 - Web site: www.bureauveritas.cn</p> <p>- Địa chỉ: Room B, 3rd Floor, No. 16, Nanjing E. Rd., Sec 4, Taipei, Taiwan, 10533 R.O.C - Tel/Fax: 886-2-2570-7655/ 886-2-25703755 - Web site: www.bureauveritas.tw</p> <p>- Địa chỉ: Sumitomo Seimei Yodoyabashi Bldg. 8F , 4-1-21 , kitahama Chuo-Ku , Osaka Japan - Tel/Fax: 81-6-6205-5558 / +81-6-6205-6000 - Web site: www.bureauveritas.jp</p> <p>- Địa chỉ: Room #1103, 11th Fl., (Yeoksam-dong, Keungil Tower building)</p>			

		<p>(Bureau Veritas Korea Company Ltd)</p> <p>5. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI MALAYSIA (Bureau Veritas (M) SDN BHD)</p> <p>6. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI PHILIPPINES (Bureau Veritas SA PHL)</p> <p>7. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI SINGAPORE (Bureau Veritas Singapore PTE Ltd)</p> <p>8. PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI THÁI LAN (Bureau Veritas (Thailand) Ltd)</p>	<p>223, Tehran-ro, Gangnam-gu, Seoul, Korea(South) 06142 - Tel/Fax: 82 2 555 8759 / 82 2 552 4063 - Web site: www.bureauveritas.kr</p> <p>- Địa chỉ: LEVEL 11, MENARA DAYABUMI, JALAN SULTAN HISHAMUDDIN, 50550 KUALA LUMPUR, MALAYSIA - Tel/Fax: 03-22672888 / 03-22672889 - Web site: www.bureauveritas.com</p> <p>- Địa chỉ: 8th Floor, Ramon Magsaysay, 1680 Roxas Blvd. Ermita, Manila Philippines - Tel/Fax: (632) 521 1068 / +632 310 5937 / 353 7322 - Web site: www.bureauveritas.com</p> <p>- Địa chỉ: 20 Science Park Road, #03-01 Teletch Park Singapore Science Park II, Singapore 117674 - Tel/Fax: (65) 62752886/ (65) 62752776 - Web site: www.bureauveritas.sg</p> <p>- Địa chỉ: Bangkok office: 1029 Soi Lasalle77,Sukhumvit 105, Bangna,Bangkok,10260 Chonbury office : 198/27 Moo9,Sukhumvit Road,T.Tungsukla, A.Sriracha,Chonbury 20230 - Tel/Fax: 662- 3984440,7487487/ 6638-493433-5 - Web site: www.bureauveritas.co.th,</p>			
--	--	---	---	--	--	--

		<p>9. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI NEW ZEALAND (Bureau Veritas New Zealand Company Ltd)</p> <p>10. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI INDONESIA (PT Bureau Veritas Indonesia)</p> <p>11. VĂN PHÒNG BUREAU VERITAS TẠI ÚC (Bureau Veritas Australia Company Ltd)</p>	<p>www.bureauveritas.co.th</p> <p>- Địa chỉ: 35 O'RORKE ROAD, PENROSE, AUCKLAND, NEW ZEALAND - Tel/Fax: 0064 9 5262749 - Web site: www.bureauveritas.co.zn</p> <p>- Địa chỉ: JAKARTA OFFICE : Wisma Bakrie 1 Building , 1st Floor Jl. HR Rasuna Said Kav.B1, Kuningan, Jakarta Selatan 12920 SURABAYA OFFICE : Graha Pena, 20th Fl. Suite 2004 , Jl. A.Yani No. 88, Surabaya 60234 MEDAN OFFICE : Jl K.L Yos Sudarso No. 65B, Medan 20115 - Tel/Fax: (62-21) 294 03 222, (62-31) 829 4570, (62-61) 664 3000, 664 3001 - Web site: www.bureauveritas.co.in</p> <p>- Địa chỉ: 3/435 Williamstown Road, Port Melbourne VIC 3207 - Tel/Fax: +61 (0) 2 97310617/ +61(0)2 97310617 Web site: http://www.bureauveritas.com.au</p>			
11	Korea Authorized Inspection & Research Institute Co., Ltd	6F, 37 Eunhaeng-ro, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 07238, Republic of Korea	<p>Web site: http://www.kairi.co.kr Tel +82 (0) 2 369 7500 Fax +82 (0) 2 369 7510 Email: kairi@kairi.co.kr</p>			